

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH KỸ THUẬT CHẾ BIẾN LÂM SẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 3740 /QĐ-ĐHNL-SDH ngày 22 tháng 12 năm 2021)

### 1. THÔNG TIN NGÀNH ĐÀO TẠO

#### 1.1. Tên ngành

- Tên tiếng Việt: Kỹ thuật chế biến lâm sản
- Tên tiếng Anh: Technology of Forest Product Processing

#### 1.2. Mã số chuyên ngành: 9.54.90.01

### 2. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 2.1. Về kiến thức

Có hệ thống kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện thuộc lĩnh vực khoa học chuyên ngành; có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo; làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật; phát triển các nguyên lý, học thuyết của chuyên ngành nghiên cứu; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường; có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh.

#### 2.2. Về kỹ năng

- Có kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề; sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn; có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế.

- Có kỹ năng ngoại ngữ có thể hiểu được các báo cáo phức tạp về các chủ đề cụ thể và trù tượng, bao gồm cả việc trao đổi học thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành. Có thể giao tiếp, trao đổi học thuật bằng ngoại ngữ ở mức độ trôi chảy, thành thạo với người bản ngữ. Có thể viết được các báo cáo khoa học, báo cáo chuyên ngành; có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, phân tích quan điểm về sự lựa chọn các phương án khác nhau.

#### 2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc; đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể; có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa

học và thực tiễn; có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

### 3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 3.1. Khái quát chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được xây dựng thành 03 phần chính: các học phần bổ sung, các học phần ở chương trình đào tạo tiến sĩ và luận án tiến sĩ. Nghiên cứu sinh phải tích lũy 90 tín chỉ đối với người có bằng thạc sĩ, 120 tín chỉ đối với người có bằng đại học.

Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành:

- Các học phần bổ sung:

1) Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ ngành gần: 08 tín chỉ (trong đó: 06 tín chỉ bắt buộc + 02 tín chỉ tự chọn).

2) Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ: 30 tín chỉ thuộc chuyên ngành tương ứng (trong đó: 20 tín chỉ bắt buộc + 10 tín chỉ tự chọn).

- Các học phần thuộc chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ: 10 tín chỉ, trong đó số học phần bắt buộc là 04 tín chỉ, số học phần tự chọn là 06 tín chỉ.

- Tiểu luận tổng quan: 04 tín chỉ.

- Chuyên đề tiến sĩ: 03 tín chỉ/ 01 chuyên đề.

- Luận án tiến sĩ (70 tín chỉ).

#### 3.2. Điều kiện tốt nghiệp

- Tích lũy đầy đủ số tín chỉ theo yêu cầu;

- Bảo vệ thành công luận án tiến sĩ cấp Trường.

#### 3.3. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo

STT	Mã số	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ (LT, TH)	Thời điểm học
<b>I</b>	<b>HỌC PHẦN BẮT BUỘC</b>		<b>4</b>	
1	WOOD901	Công nghệ vật liệu từ sợi thực vật (Material technology from plant fibres)	2 (2, 0)	HKI
2	WOOD902	Khoa học gỗ nâng cao (Advance wood science)	2 (2, 0)	HKI
<b>II</b>	<b>HỌC PHẦN TỰ CHỌN</b>		<b>6/10</b>	
1	WOOD903	Công nghệ xử lý gỗ nâng cao (Advanced wood treatment)	2 (2, 0)	HKII
2	WOOD904	Sấy gỗ nâng cao (Advanced kilndrying)	2 (2, 0)	HKII
3	WOOD905	Kỹ thuật gia công gỗ (Wood machining technology)	2 (2, 0)	HKII



4	WOOD906	Vật liệu composite (Polymer composites)	2 (2, 0)	HKII
5	WOOD907	Công nghệ tiên tiến sản xuất bột giấy (Advanced processing pulp)	2 (2, 0)	HKII
<b>III</b>	<b>TIỂU LUẬN TỔNG QUAN VÀ CHUYÊN ĐỀ</b>		<b>10</b>	
1		Tiểu luận tổng quan	4	
2		Chuyên đề 1	3	
3		Chuyên đề 2	3	
<b>IV</b>	<b>LUẬN ÁN TIẾN SĨ (Thesis)</b>		<b>70</b>	
1	THES999	Luận án tiến sĩ	70	



**PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng**

